Nhà báo nữ Việt Nam trước tác động của truyền thông số và trí tuệ nhân tạo: cơ hội, thách thức và định hướng thích ứng

Vietnamese women journalists in the face of digital media and artificial intelligence: opportunities, challenges, and directions for adaptation

PGS, TS. PHẠM THỊ THANH TỊNH
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: thanhtinh.ajc@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/06/2026 Ngày phản biện: 06/7/2026 Ngày chấp nhận đăng: 20/10/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: *Bài viết tập trung phân tích những thách thức, cơ hội và yêu cầu thích ứng đối với nhà báo nữ Việt Nam trong môi trường truyền thông số hiện nay. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước, kết hợp phân tích thực tiễn phát triển báo chí số tại Việt Nam, bài viết cho thấy, nhà báo nữ đang có nhiều lợi thế trong việc phát triển nội dung đa nền tảng, xây dựng niềm tin xã hội và thúc đẩy các giá trị nhân văn trong không gian số. Tuy nhiên, họ cũng phải đối mặt với những thách thức mới như áp lực nghề nghiệp đa nền tảng, bạo lực mạng, cạnh tranh về năng lực công nghệ và yêu cầu thích ứng với AI tạo sinh. Từ đó, bài viết đề xuất hướng phát huy vai trò của nhà báo nữ trong tiến trình chuyển đổi số báo chí ở Việt Nam, góp phần xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại.*
Từ khóa: *nhà báo nữ; truyền thông số; trí tuệ nhân tạo; chuyển đổi số báo chí; bạo lực mạng.*

Abstract: *This article examines the challenges, opportunities, and adaptation requirements facing Vietnamese women journalists in today's digital media environment. Drawing on a review of domestic and international studies, combined with an analysis of the development of digital journalism in Vietnam, the article shows that women journalists have several advantages in developing multiplatform content, building public trust, and promoting humanistic values in digital spaces. However, they also face emerging challenges, including the professional pressures of working across multiple platforms, online violence, competition in technological competencies, and the need to adapt to generative AI. On this basis, the article proposes ways to strengthen the role of women journalists in Vietnam's digital transformation of journalism, thereby contributing to the development of a professional, humanistic, and modern press.*
Keywords: *women journalists; digital media; artificial intelligence; digital transformation of journalism; online violence.*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động báo chí, truyền thông và sản xuất nội dung số tại Việt Nam. Không chỉ hiện diện ở các vị trí phóng viên, biên tập viên, dẫn chương trình, nữ nhà báo còn tham gia sâu vào các lĩnh vực quản lý, sản xuất nội dung đa phương tiện và phát triển các nền tảng truyền thông số. Trên thực tế, truyền thông số và AI mở ra cơ hội để nhà báo nữ phát triển nội dung đa nền tảng, mở rộng công chúng và khẳng định năng lực nghề nghiệp. Tuy nhiên, họ cũng phải đối mặt với áp lực tác nghiệp trên nhiều nền tảng, định

kiến giới, hạn chế trong cơ hội thăng tiến, bạo lực trực tuyến và yêu cầu thích ứng với công nghệ mới. Vì vậy, vấn đề đặt ra không chỉ là nâng cao kỹ năng sử dụng AI mà còn phải bảo đảm an toàn số, duy trì chuẩn mực nghề nghiệp và tạo điều kiện để nhà báo nữ tham gia bình đẳng vào quá trình đổi mới báo chí.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến bất bình đẳng giới, cơ hội lãnh đạo và bạo lực trực tuyến đối với nữ nhà báo, cũng như tác động của AI đến hoạt động báo chí. Tuy nhiên, việc xem xét đồng thời cơ hội, thách thức và định hướng thích ứng của nhà báo nữ trong bối cảnh truyền thông số và AI tại Việt Nam vẫn cần được quan tâm.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu làm phương pháp chủ đạo. Tác giả thu thập và phân tích bốn nhóm tài liệu: (1) văn bản chính sách của Việt Nam về chuyển đổi số báo chí; (2) các báo cáo quốc tế có dữ liệu về giới trong báo chí và an toàn của nữ nhà báo; (3) các nghiên cứu học thuật về nữ nhà báo, lãnh đạo truyền thông và giới trong báo chí Việt Nam; và (4) các báo cáo nghiên cứu gần đây về AI và sự thay đổi của hoạt động báo chí.

Quy trình nghiên cứu gồm ba bước. *Thứ nhất,* lựa chọn và hệ thống hóa tài liệu theo ba chủ đề: vị thế nghề nghiệp của phụ nữ trong báo chí; thách thức về an toàn và bất bình đẳng giới; và tác động của chuyển đổi số, AI đối với hoạt động báo chí. *Thứ hai,* phân tích và tổng hợp các kết quả nghiên cứu để nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt và khoảng trống nghiên cứu. *Thứ ba,* đối chiếu các phát hiện với bối cảnh Việt Nam và Quyết định 348/QĐ-TTg để hình thành các nhóm yêu cầu và giải pháp. Do bài viết không sử dụng khảo sát hoặc phỏng vấn mới, các nhận định về thực trạng được giới hạn trong phạm vi những gì các tài liệu được lựa chọn cung cấp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết qủa nghiên cứu

3.1.1. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu quốc tế về giới và báo chí đã chỉ ra rằng sự hiện diện của phụ nữ trong tin tức và các vị trí quyền lực của tòa soạn vẫn chưa tương xứng với sự tham gia của họ vào nghề báo. Báo cáo Global Media Monitoring Project 2020, được triển khai tại 116 quốc gia với 30.172 tin/bài, cho thấy sự cải thiện về mức độ hiện diện của phụ nữ còn rất chậm "chỉ đạt mức 25%". Báo cáo nêu: "Tỷ lệ phụ nữ trong tổng số nhân vật và nguồn tin được đề cập đã nhích thêm 1 điểm phần trăm, lên mức 25%." (Macharia et al., 2021). Như vậy, phụ nữ chỉ chiếm khoảng một phần tư số nhân vật và nguồn tin được xuất hiện hoặc trích dẫn trong hệ thống tin tức được theo dõi.

Ở cấp độ lãnh đạo, Ross Arguedas và cộng sự phân tích 240 thương hiệu báo chí trực tuyến và ngoại tuyến tại 12 thị trường. Kết quả cho thấy "Chỉ 27% trong số 171 biên tập viên hàng đầu của 240 thương hiệu là phụ nữ" - "Chỉ 27% trong tổng số 171 biên tập viên cấp cao tại 240 thương hiệu truyền thông được khảo sát là phụ nữ.", trong khi phụ nữ chiếm trung bình 40% số nhà báo tại các thị trường được khảo sát. (Ross Arguedas et al, 2025). Kết quả này cho thấy sự hiện diện đông hơn của phụ nữ trong lực lượng lao động báo chí chưa đồng nghĩa với sự hiện diện tương ứng ở vị trí lãnh đạo.

Một hướng nghiên cứu khác tập trung vào an toàn nghề nghiệp của nữ nhà báo đã thực hiện tìm hiểu trên hơn 850 nữ nhà báo quốc tế, ghi nhận: "Gần ba trong số bốn phụ nữ tham gia khảo sát (73%) cho biết họ từng trải qua bạo lực trực tuyến" - "Gần 3/4 số phụ nữ tham gia khảo sát (73%) cho biết họ đã từng trải qua bạo lực trên không gian mạng." (Posetti et al, 2021),

Tại Việt Nam, nghiên cứu về giới và báo chí đã có những kết quả đáng chú ý. Nghiên cứu về cách thức lãnh đạo nữ được thể hiện trên truyền thông Việt Nam cho thấy hình ảnh nữ lãnh đạo thường bị phản ánh thiếu đầy đủ hoặc sai lệch; họ hiếm khi xuất hiện với tư cách là nguồn tin, và nếu có, họ thường được phỏng vấn về các vấn đề mang tính truyền thống gắn liền với nữ giới- "Phân tích nội dung cho thấy các nhà lãnh đạo nữ chưa được phản ánh đầy đủ và thường bị phản ánh sai lệch trên truyền thông. Các nguồn tin là nữ lãnh đạo hiếm khi xuất hiện trên các bản tin. Khi được phỏng vấn, họ có nhiều khả năng được đề cập đến trong các vấn đề vốn được coi là thuộc về lĩnh vực nữ giới theo quan niệm truyền thống." (Vu et al, 2018). Nghiên cứu khác cho thấy "Hiện nay, nữ nhà báo được phân công lao động đồng đều hơn nhưng các quy định bất bình đẳng tiềm ẩn (văn hoá toà soạn, chuẩn đánh giá năng lực, chính sách hỗ trợ gia đình) vẫn đang tạo rào cản đối với họ" (Hoàng Hà My,

2026). Dựa trên phỏng vấn bán cấu trúc 19 nữ nhà báo Việt Nam, Phung và cộng sự đã tiếp tục nghiên cứu về các chuẩn mực xã hội mang tính gia trưởng, mạng lưới nghề nghiệp do nam giới thống trị và sự bấp bênh chung của ngành; bên cạnh đó là các hạn chế từ phía tổ chức như văn hóa tòa soạn mang định kiến giới, thiếu vắng sự hướng dẫn chuyên môn (mentorship) và quy trình thăng tiến thiếu minh bạch "Phân tích chủ đề cho thấy những rào cản mang tính cấu trúc tồn tại phổ biến, bao gồm các chuẩn mực xã hội gia trưởng, mạng lưới nghề nghiệp do nam giới chi phối và tình trạng việc làm bấp bênh trên toàn ngành. Bên cạnh đó, còn có những hạn chế từ phía tổ chức, như văn hóa tòa soạn mang định kiến giới, sự thiếu hụt các chương trình cố vấn, hướng dẫn nghề nghiệp và các quy trình thăng tiến thiếu minh bạch.". (Phung et al, 2026).

Từ tổng quan trên có thể xác định khoảng trống nghiên cứu là cơ hội nghề nghiệp, rào cản giới và yêu cầu thích ứng với chuyển đổi số trong bối cảnh báo chí Việt Nam. Bài viết vì vậy tập trung vào mối quan hệ giữa biến đổi công nghệ với vị thế nghề nghiệp và yêu cầu thích ứng của nhà báo nữ.

3.1.2. Cơ hội và thách thức phát triển của nhà báo nữ trong môi trường truyền thông số

Môi trường số mở rộng không gian sản xuất và phân phối nội dung. Khi nội dung có thể được tổ chức và phân phối đồng thời trên website, mạng xã hội, podcast, video và các nền tảng số khác, nhà báo có thêm phương thức tiếp cận công chúng và thể hiện chuyên môn. Các nhà xuất bản đang quan tâm tới việc chuyển đổi bài viết thành audio, tạo bản tóm tắt tự động, cá nhân hóa nội dung và phát triển các hình thức tương tác mới "Bên cạnh việc tối ưu hóa quy trình làm việc, các cơ quan báo chí sẽ phát triển những tính năng hướng đến độc giả, chẳng hạn như chuyển đổi văn bản thành âm thanh, cung cấp bản tóm tắt tin, bài tự động và dịch thuật tự động." (Newman, N., & Cherubini, F, 2025). Đối với nhà báo nữ, điều này mở thêm không gian nghề nghiệp, nhưng cơ hội chỉ trở thành lợi thế khi đi kèm năng lực sản xuất đa phương tiện và quản trị nội dung. Điều này tạo nên thách thức là sự gia tăng yêu cầu năng lực nghề nghiệp trong môi trường đa nền tảng.

Chuyển đổi số tạo nhu cầu đối với những lĩnh vực nội dung gắn với đời sống xã hội, chính sách công và các nhóm công chúng chuyên biệt. Điều này tạo thêm không gian chuyên môn cho nhà báo nữ, nhưng cần được nhìn nhận trên cơ sở năng lực và phân công nghề nghiệp thực tế thay vì gắn phụ nữ với các chủ đề "mềm". Nghiên cứu của Vu và cộng sự (2018) chỉ ra rằng định kiến giới vẫn phổ biến trong giới nhà báo, ảnh hưởng đến cách họ nhìn nhận các nguồn tin. "Các nhà báo cho rằng nguồn tin nam giới thường thể hiện rõ hơn các đặc điểm thiên về công việc và tính chủ động, trong khi nguồn tin nữ giới lại thiên về khía cạnh xã hội và tính cộng đồng" - "Định kiến giới tồn tại phổ biến trong giới nhà báo, ảnh hưởng đến cách họ nhìn nhận các nguồn tin. Các nhà báo cho rằng nguồn tin nam giới có những đặc điểm nổi trội hơn về định hướng công việc và tính chủ động, quyết đoán, trong khi nguồn tin nữ giới thường thiên về các mối quan hệ xã hội và tính cộng đồng." (Vu et al, 2018).

Thách thức về cơ hội tiếp cận vị trí lãnh đạo đối với các nữ nhà báo. Trong nghiên cứu của Ross Arguedas và cộng sự cho thấy đại đa số các biên tập viên cấp cao trong mẫu nghiên cứu là nam giới, tất cả các thị trường được khảo sát đều ghi nhận tỷ lệ nam giới chiếm đa số - thường là áp đảo - ở các vị trí biên tập cấp cao" - " Kết quả nghiên cứu cho thấy nam giới chiếm đa số rõ rệt trong đội ngũ lãnh đạo biên tập cấp cao thuộc mẫu khảo sát. Tương tự như hầu hết các năm kể từ khi chúng tôi bắt đầu thực hiện nghiên cứu này vào năm 2020, tại tất cả các thị trường được khảo sát, nam giới đều chiếm tỷ lệ đa số, thậm chí áp đảo ở nhiều thị trường, trong các vị trí lãnh đạo biên tập cấp cao." (Ross Arguedas et al, 2025).

Thách thức về bạo lực và quấy rối trên không gian mạng. Bạo lực trực tuyến nhắm vào các nữ nhà báo diễn ra dưới nhiều hình thức, từ các cuộc tấn công quy mô lớn hoặc những lời đe dọa cực đoan tại một thời điểm cụ thể, cho đến kiểu thao túng tâm lý dai dẳng trên mạng - bao gồm các hành vi ngược đãi ở mức độ thấp hơn nhưng diễn ra liên tục "Bạo lực trên không gian mạng đối với nữ nhà báo diễn ra dưới nhiều hình thức, từ các cuộc tấn công quy mô lớn hoặc những lời đe dọa nghiêm trọng xảy ra tại một thời điểm, cho đến tình trạng thao túng tâm lý có tính hệ thống trên mạng kéo dài âm ỉ, biểu hiện qua các hành vi lăng mạ, quấy rối và công kích ở mức độ thấp nhưng liên tục." (Posetti et al., 2021).

Thách thức về vấn đề trách nhiệm và kiểm chứng trong sử dụng AI. AI có thể tăng tốc độ xử lý thông tin nhưng không thể thay thế trách nhiệm nghề nghiệp đối với tính chính xác, công bằng và ngữ cảnh của tác phẩm báo chí. Công chúng ưu tiên quy trình làm việc do con người chủ trì và các ứng dụng hỗ trợ phía sau (như biên tập, dịch thuật), đồng thời dự đoán rằng nếu AI đóng vai trò lớn hơn, tin tức sẽ có chi phí thấp hơn và tốc độ nhanh hơn nhưng lại kém minh bạch và ít đáng tin cậy hơn - "A clear 'comfort gap' remains: people favour human led workflows and back end uses (editing, translation) and expect cheaper, faster but less transparent and less trustworthy news if AI plays a larger role" (Simon et al, 2025). Điều này cho thấy niềm tin của công chúng phụ thuộc không chỉ vào chất lượng công nghệ mà còn vào mức độ minh bạch và kiểm soát của con người.

3.1.3. Định hướng thích ứng của nhà báo nữ trong kỷ nguyên AI

Từ các kết quả trên cho thấy, định hướng thích ứng *đầu tiên* của nhà báo nữ là chuyển từ năng lực sử dụng công cụ sang năng lực quản trị quy trình có AI hỗ trợ. Nhà báo nữ cần hiểu nguyên lý cơ bản của AI tạo sinh, biết lựa chọn công cụ phù hợp, xác định giới hạn của công cụ, kiểm chứng dữ liệu và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng. Đây cũng phù hợp với định hướng của Quyết định 348/QĐ-TTg khi đặt mục tiêu đến năm 2030 có "90% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung và ứng dụng AI để tối ưu hóa hoạt động" (điều 1, mục I.2 khoản b) (Thủ tướng Chính phủ, 2023).

Thứ hai là năng lực an toàn số. Bên cạnh các kỹ năng nghề nghiệp truyền thống, nhà báo nữ cần biết bảo vệ tài khoản, dữ liệu cá nhân, nguồn tin và hình ảnh cá nhân; nhận diện các hình thức giả mạo, thao túng hình ảnh và tấn công có phối hợp. Đây không chỉ là năng lực cá nhân mà cần được hỗ trợ bằng quy trình của cơ quan báo chí.

Thứ ba là kết hợp năng lực công nghệ với năng lực báo chí cốt lõi. Việc thành thạo AI không thể thay thế năng lực phát hiện vấn đề, xác minh nguồn tin, phỏng vấn, kiểm chứng, tư duy phản biện và hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp. Trong sử dụng AI, nhà báo cần đặc biệt chú ý tới nguồn dữ liệu, quyền riêng tư, bản quyền, nguy cơ bịa đặt thông tin và khả năng tái sản xuất định kiến từ dữ liệu huấn luyện.

Thứ tư là phát triển năng lực chuyên môn và thương hiệu nghề nghiệp trên môi trường số nhưng phải gắn với chuẩn mực báo chí. Thương hiệu nghề nghiệp chỉ có giá trị bền vững khi dựa trên uy tín, độ chính xác, tính độc lập nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

3.1.4. Phát huy vai trò của nhà báo nữ trong môi trường truyền thông số ở Việt Nam

Phát triển năng lực số và AI theo hướng "làm chủ công nghệ".

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi quy trình sản xuất tin tức trên toàn thế giới. Theo Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 "100% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ và các mô hình phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất theo các xu hướng báo chí số" (điều 1, mục I.2 khoản b) (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra không chỉ là trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn phải giúp nhà báo nữ làm chủ công nghệ. Các chương trình đào tạo cần chuyển từ tư duy "học sử dụng công cụ" sang tư duy "quản trị quy trình sản xuất nội dung bằng công nghệ".

Bên cạnh các kỹ năng báo chí truyền thống, nhà báo nữ cần được trang bị kiến thức về AI tạo sinh, báo chí dữ liệu, xác minh thông tin bằng công nghệ số, bảo mật dữ liệu, phân tích hành vi công chúng và ứng dụng thuật toán trong phân phối nội dung. Việc làm chủ các công nghệ mới sẽ giúp nhà báo nữ nâng cao năng suất lao động, tăng khả năng sáng tạo và thích ứng với môi trường truyền thông đang thay đổi nhanh chóng.

Tạo cơ hội để nhà báo nữ tham gia lãnh đạo và các dự án chuyển đổi số. Các cơ quan báo chí cần xây dựng cơ chế phát hiện, quy hoạch và bồi dưỡng nữ cán bộ quản lý ngay từ cấp phóng viên, biên tập viên. Những nữ nhà báo có năng lực cần được giao phụ trách các dự án chuyển đổi số, phát triển nền tảng số, sản xuất sản phẩm truyền thông mới hoặc quản trị cộng đồng trực tuyến. Việc tham gia trực tiếp vào các dự án đổi mới sáng tạo sẽ giúp nữ nhà báo tích lũy kinh nghiệm quản trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và từng bước tham gia vào quá trình hoạch định chiến lược phát triển của cơ quan báo chí.

Xây dựng cơ chế bảo vệ nhà báo nữ trước bạo

lực trực tuyến và bạo lực có hỗ trợ AI. "Không được phép có chỗ cho tư tưởng thù ghét phụ nữ và bạo lực trong lĩnh vực báo chí. Các nền tảng mạng xã hội và chính phủ phải bảo vệ các nữ nhà báo khỏi bạo lực trực tuyến "There should be no room for misogyny and violence in journalism. Social media platforms and governments must protect women journalists from online violence". (Posetti và cộng sự 2021) Cơ quan báo chí cần có quy trình phản ứng nhanh khi nhà báo bị đe dọa, quấy rối hoặc phát tán thông tin giả mạo; phân công đầu mối hỗ trợ pháp lý và kỹ thuật; hướng dẫn lưu giữ bằng chứng số; và có cơ chế hỗ trợ tâm lý khi vụ việc kéo dài.

Đối với nguy cơ deepfake và thao túng nội dung bằng AI, các cơ quan báo chí cần bổ sung quy trình xác minh hình ảnh, âm thanh và tài khoản; xây dựng nguyên tắc phản hồi công khai khi nhà báo bị giả mạo; đồng thời tăng cường phối hợp với nền tảng số và cơ quan chức năng khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan báo chí có thể nghiên cứu hướng dẫn chuyên biệt về an toàn số đối với nhà báo, trong đó có nội dung liên quan đến bạo lực giới trên môi trường mạng.

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu nghề nghiệp đa nền tảng gắn với uy tín báo chí chính thống. Trong môi trường truyền thông số, nhà báo không còn chỉ đại diện cho cơ quan báo chí mà đồng thời còn là một chủ thể truyền thông độc lập. Mức độ ảnh hưởng của một nhà báo ngày càng được thể hiện thông qua khả năng xây dựng cộng đồng công chúng trên các nền tảng số. Nữ nhà báo cần được khuyến khích phát triển các sản phẩm truyền thông mang dấu ấn cá nhân như podcast, bản tin chuyên đề, video phân tích, tọa đàm trực tuyến hoặc các kênh tương tác với công chúng trên mạng xã hội.

Tuy nhiên, việc xây dựng thương hiệu cá nhân phải gắn với chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người làm báo. Thương hiệu cá nhân không phải là công cụ để tìm kiếm sự nổi tiếng đơn thuần mà phải trở thành phương tiện lan tỏa thông tin chính xác, giá trị nhân văn và uy tín của báo chí chính thống. Các cơ quan báo chí cần xây dựng cơ chế khuyến khích nhà báo nữ phát triển các sản phẩm truyền thông cá nhân có chất lượng, đồng thời hỗ trợ về công nghệ, dữ liệu và đào tạo kỹ năng quản trị cộng đồng số.

Phát huy vai trò của nhà báo nữ trong truyền thông về chuyển đổi số quốc gia và phát triển bền vững. Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đang triển khai đồng thời nhiều chương trình lớn như chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Đây là những lĩnh vực đòi hỏi báo chí không chỉ cung cấp thông tin mà còn phải tạo dựng sự đồng thuận xã hội, nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy thay đổi hành vi. Nhà báo nữ với những lợi thế về khả năng kết nối xã hội, truyền tải các câu chuyện đời sống và tiếp cận nhóm công chúng đặc thù có thể đóng vai trò quan trọng trong việc truyền thông về các mục tiêu phát triển quốc gia.

Các cơ quan báo chí cần tạo điều kiện để nữ nhà báo tham gia sâu hơn vào các lĩnh vực như chuyển đổi số, giáo dục số, kinh tế xanh, bình đẳng giới, sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững. Qua đó không chỉ mở rộng không gian nghề nghiệp cho phụ nữ mà còn góp phần nâng cao chất lượng truyền thông chính sách ở Việt Nam.

3.2. Thảo luận

Trước hết, kết quả về cơ hội nghề nghiệp cần được nhìn nhận trong mối quan hệ với sự thay đổi của môi trường tác nghiệp. Các nền tảng số cho phép nhà báo nữ chủ động hơn trong việc sản xuất, phân phối và tương tác với công chúng, đồng thời tạo thêm những không gian nghề nghiệp bên ngoài mô hình tòa soạn truyền thống. Tuy nhiên, cơ hội công nghệ không đồng nghĩa với cơ hội nghề nghiệp bình đẳng. Nghiên cứu của Phung và cộng sự (2026), thực hiện qua phỏng vấn 19 nhà báo nữ Việt Nam, cho thấy các rào cản ở cấp độ cấu trúc gồm các chuẩn mực xã hội mang tính gia trưởng, mạng lưới nghề nghiệp do nam giới chi phối và tình trạng thiếu ổn định trong toàn ngành -"patriarchal social norms, male-dominated professional networks, and industry-wide precarity" (Phung et al, 2026).

Kết quả trên cũng tương đồng với báo cáo tại 12 thị trường nghiên cứu, phần lớn các vị trí lãnh đạo biên tập cấp cao đều do nam giới đảm nhiệm - "in all 12 markets, the majority of top editors are men" (Ross Arguedas et al, 2025). Như vậy, vấn đề không chỉ nằm ở khả năng phụ nữ tham gia nghề báo mà còn ở khả năng chuyển từ sự hiện diện nghề nghiệp sang quyền quyết định, vị trí lãnh đạo và khả năng định hình chương trình nghị sự truyền thông. Đây là điểm có ý

nghĩa đối với nghiên cứu về nhà báo nữ Việt Nam: đánh giá vai trò của phụ nữ trong môi trường số không nên chỉ dựa vào số lượng phụ nữ tham gia sản xuất nội dung, mà cần quan tâm đến mức độ tham gia vào các vị trí có quyền quyết định và đổi mới nghề nghiệp.

Thứ hai, kết quả về thách thức cho thấy môi trường số vừa mở rộng khả năng hiện diện nghề nghiệp vừa làm gia tăng nguy cơ tổn thương nghề nghiệp. Đặc biệt, bạo lực trực tuyến không chỉ là vấn đề an toàn cá nhân mà có thể tác động trực tiếp đến hoạt động nghề nghiệp của nhà báo nữ. Nghiên cứu của ICFJ và UNESCO ghi nhận 73% phụ nữ tham gia khảo sát cho biết từng trải qua bạo lực trực tuyến; 25% từng nhận các đe dọa bạo lực thể chất và 18% nhận đe dọa bạo lực tình dục. (Posetti et al, 2021).

Thứ ba, kết quả nghiên cứu về yêu cầu thích ứng với AI cho thấy sự thay đổi của công nghệ đang làm dịch chuyển tiêu chuẩn năng lực của nhà báo nữ. AI có thể hỗ trợ thu thập, xử lý, sản xuất và phân phối nội dung, nhưng điều đó không làm mất đi yêu cầu về tư duy nghề nghiệp, kiểm chứng thông tin, đạo đức và trách nhiệm xã hội. Do đó, thích ứng với AI không nên được hiểu đơn giản là biết sử dụng một số công cụ AI, mà là khả năng kiểm soát quy trình có AI tham gia, đánh giá đầu ra và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm báo chí cuối cùng.

Từ góc độ lý luận, kết quả nghiên cứu gợi mở cách tiếp cận công nghệ không mang tính quyết định đối với vấn đề giới trong báo chí. Công nghệ không tự động tạo ra bình đẳng cũng không tất yếu làm gia tăng bất bình đẳng. Chuyển đổi số chỉ thực sự tạo ra thay đổi về bình đẳng giới khi đi cùng với thay đổi về cơ hội phát triển nghề nghiệp và quyền tham gia vào quá trình ra quyết định. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu cho thấy nếu chỉ tập trung đào tạo kỹ năng công nghệ mà không giải quyết các rào cản về tổ chức, vị trí nghề nghiệp và an toàn số thì khả năng thích ứng của nhà báo nữ vẫn bị giới hạn.

4. Kết luận

Bên cạnh những cơ hội phát triển rộng mở trong môi trường số, nhà báo nữ cũng đang đối mặt với nhiều thách thức mới liên quan đến công nghệ, áp lực nghề nghiệp và an toàn trên không gian mạng. Điều này đòi hỏi sự thích ứng chủ động từ bản thân nhà báo cũng như sự hỗ trợ từ các cơ quan báo chí và cơ quan quản lý nhà nước. Việc phát huy vai trò của nhà báo nữ trong môi trường truyền thông số không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới mà còn là yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực báo chí, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển nền báo chí cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Macharia, S., Djerf-Pierre, M., Ross, K., Edström, M., & Lopez, S. (Eds.) (2021). Who makes the news? Global Media Monitoring Project 2020. World Association for Christian Communication (WACC). https://whomakesthenews.org/wp-content/uploads/2021/07/GMMP2020.ENG_.FINAL20210713.pdf

2. Hoàng Hà My (2026). Nhận diện vấn đề giới trong lao động của nữ nhà báo Việt Nam. Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, 32(1), 128–131. https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/nhan-dien-van-de-gioi-trong-lao-dong-cua-nu-nha-bao-viet-nam-p31022.html

3. Newman, N., & Cherubini, F. (2025). Journalism, Media, and Technology Trends and Predictions 2025. Reuters Institute for the Study of Journalism, University of Oxford. DOI: 10.60625/risj-vte1-x706. https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:098bb61b-e8fa-40ad-8059-fd6cfa4db898?utm_source=chatgpt.com

4. Phung, P. N., Pham, C. T., Bui, T. T., Ta, T. T., Nguyen, T. T. M., Ma, T. T. H., & Vu, T. H. (2026). Navigating Gender Inequality in a Socialist Media Landscape: Career Advancement of Female Journalists in Vietnam. Journalism Practice. DOI: 10.1080/17512786.2026.2700642. https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/17512786.2026.2700642.

5. Posetti, J., Shabbir, N., Maynard, D., Bontcheva, K., & Aboulez, N. (2021). The Chilling: Global Trends in Online Violence Against Women Journalists. UNESCO & International Center for Journalists. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000377223

6. Ross Arguedas, A., Mukherjee, M., & Nielsen, R. K. (2025). Women and Leadership in the News Media 2025: Evidence from 12 Markets. Reuters Institute for the Study of Journalism, University of Oxford. DOI: 10.60625/risj-t1b1-je62. Women and Leadership in the News Media 2025

7. Simon, F. M., Nielsen, R. K., & Fletcher, R. (2025). Generative AI and News Report 2025: How People Think About AI's Role in Journalism and Society. Reuters Institute for the Study of Journalism. DOI: 10.60625/risj-5bjv-yt69. https://ora.ox.ac.uk/bookmarks/uuid:6ac16418-fe70-4fc5-99a1-b3296c82deab?utm_source=chatgpt.com

8. Thủ tướng Chính phủ (2023). Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207701

9. Vu, H. T., Lee, T.-T., Duong, H. T., & Barnett, B. (2018). Gendering Leadership in Vietnamese Media: A Role Congruity Study on News Content and Journalists' Perception of Female and Male Leaders. Journalism & Mass Communication Quarterly, 95(3), 565–587. DOI: 10.1177/1077699017714224. https://www.researchgate.net/publication/313038018_Gendering_Leadership_in_Vietnamese_Media_A_Role_Congruity_Study_on_News_Content_and_Journalists%27_Perception_of_Female_and_Male_Leaders